TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/6/2019
V/v *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Kiên;
2. Bà Phạm Thị Dung;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Dần – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày18 tháng 6 năm 2019,Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/4/2019 về việc kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2019 và quyết Đ hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 005/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Lý Thị N - sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn anh Lê văn Đ- Sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị N trình bày: Chị và anh Lê văn Đ kết hôn với nhau ngày 27/8/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B trên cơ sở tự nguyên. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Ngoài ra anh Đ không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, đánh đập vợ trầm trọng nhất vào tháng 6 năm 2017 anh Đ đánh đuổi chị ra khỏi nhà, từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Mặc dù đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi. Đến nay, chị Lý Thị N nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê văn Đ.

Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Lê Thị Ngọc Bsinh ngày 23/12/2010 và cháu Lê Thị Ngọc L sinh ngày 01/01/2013. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Thị Ngọc L, để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Thị Ngọc B đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết..

Tại bản tự khai và tại các biên bản hòa giải anh Lê văn Đ khai: Anh Đ công nhận về thời gian, điều kiện và địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng sự thật. Ngoài ra còn nguyên nhân là do chị N đi làm ăn xa nhà, vợ chồng không tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị N lại bỏ về nhà mẹ đẻ ngủ, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị N có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh Đ không nhất trí ly hôn vì hai còn còn nhỏ, nguyện vọng đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung, về tên tuổi như chị N trình bày là đúng. Trường hợp chị N kiên quyết xin ly hôn, anh Đ có nguyện vọng để chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu Lê Thị Ngọc L và Lê Thị Ngọc B đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy Đ của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật Đ, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị N.

-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị N được ly hôn với anh Lê văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc Bích sinh ngày 23/12/2010 cho anh Lê văn Đ trực tiếp trông nom nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Thị Ngọc Linh sinh ngày 01/01/2013 cho chị Lý Thị N trực tiếp trông nom nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung cho các đương sự. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy Đ.

Tại phiên toà chị Lý Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy Đ. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Lê văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn chị Lý Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Lê văn Đ và chị Lý Thị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị N và anh Lê văn Đ kết hôn với nhau ngày ngày 27/8/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị Lý Thị N có thời gian đi làm ăn xa, vợ chồng không quan tâm tin tưởng lẫn nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị Lý Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê văn Đ, vợ chồng anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2018 đến nay, chị N ở nhà mẹ đẻ, còn anh Đ đi làm công nhân và về ở với bố mẹ đẻ anh. Như vậy vợ chồng chị N và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu. Lê Thị Ngọc L sinh ngày 01/01/2013 và cháu Lê Thị Ngọc B sinh ngày 23/12/2010. Xét thấy chị Lý Thị N và anh Lê văn Đ hiện nay đều có thu nhập. Chị N làm trồng trọt, ngoài ra chị còn đi làm phụ xây, tổng thu nhập 4.000.000 đồng/tháng, còn anh Đ hiện làm công nhân cho công ty cầu đường Bảo An, mức thu nhập từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra cháu Lê Thị Ngọc Bích có nguyện vọng ở với bố. Do vậy cần giao cháu Lê Thị Ngọc Linh sinh ngày 01/01/2013 cho chị Lý Thị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc; Giao cháu Lê Thị Ngọc Bích sinh ngày 23/12/2010 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị N và anh Lê văn Đ.

2.Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc L sinh ngày 01/01/2013 cho chị Lý Thị N trực tiếp trông nom nuôi dưỡng,chăm sóc, giao cháu Lê thị Ngọc Bích sinh ngày 23/12/2010 cho anh Lê văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bên nào. Chị N, anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001521 ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã T;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Anh